TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 9 – 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Châu.

2. Bà Trần Thị Nương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Thành Đạt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***:

Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Thông báo số: 338/TB-TA ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc dời thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc A**.

Địa chỉ: Số x, Đường V, phường B, quận K, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Anh **Vì Trầm Châu P**.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc A trình bày:

Chị Nguyễn Ngọc A và anh Vì Trầm Châu P cưới nhau vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận K, thành phố Cần Thơ ngày 21

tháng 11 năm 2013, hôn nhân là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh Pc cho đến ngày 06 tháng 5 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, nên chị A với anh P không còn chung sống với nhau từ thời gian này cho đến nay. Ngày 08 tháng 01 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện T ban hành Quyết định số: 01/2019/QĐST-VDS tuyên bố anh P mất tích. Nay chị A yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị A và anh P có một con chung tên Vì Ngọc N, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2014. Cháu N đang sống chung với chị A. Chị A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Chị A với anh P không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn là anh Vì Trầm Châu P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo về việc dời thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng anh P đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên đây là vụ án ly hôn và việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh P đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào giấy Chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường B, quận K, thành phố Cần Thơ cấp, thì chị A và anh P đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 21 tháng 11 năm 2013. Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia hòa giải, nhưng anh P đều vắng mặt không lý do; chị A cho rằng chị không còn tình cảm với anh P, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc; anh, chị không còn sống chung với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị A với anh P không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

[2.2] Về con chung: Chị A và anh P có một con chung tên Vì Ngọc N, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2014. Chị A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh P không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con, hiện nay cháu N sống chung với chị A, nhằm ổn định cuộc sống, đồng thời căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, nên giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, theo quy định của khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quyền, nghĩa vụ của anh P đối với con chung: Anh P không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị A; anh cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng chị có khả năng nuôi dưỡng con, nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dA sự trong vụ án ly hôn, Nng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dA sự; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 Luật hôn nhA và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhA: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn với bị đơn anh Vì Trầm Châu P.

2. Về con chung:

Giao cháu Vì Ngọc N, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2014 cho chị Nguyễn Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N tròn 18 (mười tám) tuổi.

Anh Vì Trầm Châu P có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N được sống chung với chị A.

Anh Vì Trầm Châu P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Anh Vì Trầm Châu P không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dA sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003645 ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Chị A đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- UBND phường B, quận K, thành phố Cần Thơ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh